

BỘ VĂN HOÁ, THỂ
THAO VÀ DU LỊCH-BỘ
NỘI VỤ
Số: 06/2016/TTLT-
BVHTTDL-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2016

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH - BỘ NỘI VỤ -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
Số: 06/2016/TTLT- BVHTTDL-BNV	Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

QUY ĐỊNH MÃ SỐ VÀ TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA CƠ SỞ

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;
Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;
Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên

ngành văn hóa cơ sở.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở

1. Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở bao gồm: nhóm chức danh phương pháp viên và nhóm chức danh hướng dẫn viên văn hóa.

2. Nhóm chức danh phương pháp viên, bao gồm:

a) Phương pháp viên hạng II	Mã số: V.10.06.19
b) Phương pháp viên hạng III	Mã số: V.10.06.20
c) Phương pháp viên hạng IV	Mã số: V.10.06.21

3. Nhóm chức danh hướng dẫn viên văn hóa, bao gồm:

a) Hướng dẫn viên văn hóa hạng II	Mã số: V.10.07.22
b) Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	Mã số: V.10.07.23
c) Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV	Mã số: V.10.07.24

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp

1. Có trách nhiệm cao với công việc được giao, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về công tác văn hóa cơ sở.

3. Trung thực, khách quan, thẳng thắn, làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; tôn trọng đồng nghiệp; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Có ý thức phối hợp, giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

Điều 4. Phương pháp viên hạng II - Mã số: V.10.06.19

1. Nhiệm vụ:

a) Đề xuất, tham gia xây dựng chương trình, kế hoạch công tác về hoạt động nghiệp vụ văn hóa cơ sở tại đơn vị công tác;

b) Biên soạn chương trình hoạt động, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, phương pháp công tác, kịch bản sinh hoạt cho các thiết chế văn hóa về văn hóa nghệ thuật quần chúng có quy mô và phạm vi hoạt động từ cấp quận, huyện và tương đương đến cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Trực tiếp dàn dựng các chương trình, kịch bản cho các liên hoan, hội thi, hội diễn và các hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng với quy mô cấp tỉnh, ngành;

d) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chuẩn bị nội dung liên hoan, hội nghị, hội thảo về nghiệp vụ, phương pháp hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng;

đ) Theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ cho thiết chế văn hóa trên địa bàn; đánh giá, đề xuất, phổ biến áp dụng kinh nghiệm giữa các thiết chế văn hóa;

e) Lập kế hoạch, tổ chức hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ cho phương pháp viên hạng dưới;

g) Có khả năng tổng hợp, nghiên cứu giáo trình, đào tạo về nghiệp vụ văn hóa cơ sở.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành văn hóa;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh phương pháp viên hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Nắm vững và thực hiện đúng quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- b) Có khả năng chỉ đạo và tổ chức công tác chuyên môn được phân công thực hiện;
- c) Nắm vững đặc điểm lịch sử, văn hóa, xã hội của từng vùng, miền;
- d) Am hiểu các phương pháp quản lý và có kinh nghiệm về công tác tổ chức và hoạt động của các thiết chế văn hóa;
- đ) Có khả năng nghiên cứu, tổng hợp, soạn thảo các văn bản trong lĩnh vực văn hóa cơ sở.

4. Viên chức thăng hạng từ chức danh phương pháp viên hạng III lên chức danh phương pháp viên hạng II phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và có thời gian công tác giữ chức danh phương pháp viên hạng III hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh phương pháp viên hạng III tối thiểu đủ 02 (hai) năm.

Điều 5. Phương pháp viên hạng III - Mã số: V.10.06.20

1. Nhiệm vụ:

- a) Tham gia xây dựng chương trình, kế hoạch công tác về một lĩnh vực nghiệp vụ hoặc một phần việc trên cơ sở chương trình, kế hoạch chung;
- b) Tham gia tổ chức và chuẩn bị một phần nội dung các hội nghị, hội thảo về nghiệp vụ; tham gia tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, các hoạt động đội, nhóm, câu lạc bộ sở thích, rèn luyện kỹ năng phát triển năng khiếu cho các đối tượng;
- c) Dàn dựng các chương trình, cuộc thi, hội diễn và các hoạt động văn hóa, văn nghệ khác với quy mô cấp quận, huyện;

d) Theo dõi hoạt động của các thiết chế văn hóa trên địa bàn để hướng dẫn giúp đỡ về chuyên môn; tổng kết kinh nghiệm để áp dụng cho các thiết chế văn hóa khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành văn hóa;
- b) Có trình độ ngoại ngữ từ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh Phương pháp viên hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Nắm được quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- b) Có kiến thức cơ bản về quản lý công tác văn hóa cơ sở và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực được phân công quản lý;
- c) Có hiểu biết về đặc điểm lịch sử văn hóa, xã hội trên địa bàn được phân công quản lý;
- d) Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực văn hóa cơ sở;
- đ) Biết phương pháp nghiên cứu, tổng hợp và tham mưu soạn thảo các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ.

4. Viên chức thăng hạng từ chức danh phương pháp viên hạng IV lên chức danh phương pháp viên hạng III phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và có thời gian công tác giữ chức danh phương pháp viên hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm đối với trình độ cao đẳng hoặc tối thiểu đủ 03 (ba) năm đối với trình độ trung cấp.

Điều 6. Phương pháp viên hạng IV - Mã số: V.10.06.21

1. Nhiệm vụ: